

Số: 3743 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 03 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với người thực hiện cách ly y tế (F1) do đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 07 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ tại các cơ sở cách ly tạm thời: Khu cách ly Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, khu cách ly Bệnh viện phục hồi chức năng 2, khu cách ly Trường PTTH Chu Văn An thuộc địa bàn phường Trảng Dài, Long Bình Tân và Hóa An của thành phố Biên Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 18127/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 765/TTr-LĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với người thực hiện cách ly y tế (F1) do đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 07 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ tại các cơ sở cách ly tạm thời: Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, Bệnh viện phục hồi chức năng 2, Trường

PTTH Chu Văn An thuộc địa bàn phường Trảng Dài, Long Bình Tân và Hóa An của thành phố Biên Hòa (đợt 10) gồm 227 người với tổng số tiền hỗ trợ là 264.880.000 đồng (hai trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi ngàn đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định)

Nguồn kinh phí hỗ trợ cho người cách ly y tế (F1) được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ CHO NGƯỜI CÁCH LY Y TẾ (F1) DO ĐẠI DỊCH COVID-19 TẠI CƠ SỞ CÁCH LY Y TẾ
TÀM THỜI: KTX TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI, BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG, TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA (ĐỢT 10)
(Đính kèm theo Quyết định số 3743/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị,	Ngày kết thúc điều	Số ngày điều trị	Tiền ăn (80.000 đồng/	Ghi chú
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12
I KTX TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI: 164 người									
1	Nguyễn Thị Thìn			Ấp An Hoà - Hoà An	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
2	Trần Thị Cẩm Thu			Ấp An Hoà - Hoà An	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
3	Nguyễn Thị Xuân			Ấp An Hoà - Hoà An	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
4	Phạm Phương Uyên			Ấp An Hoà - Hoà An	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
5	Nguyễn Hữu Dũng			Ấp An Hoà - Hoà An	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
6	Nguyễn Thị Thu Thủy			Nhất Hoà - Hiệp Hoà	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
7	Huỳnh Ngọc Tài			Nhất Hoà - Hiệp Hoà	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
8	Nguyễn Thị Ngân			Nhì Hoà - Hiệp Hoà	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
9	Trần Thành Nguyên			KP4C - Trảng Dài	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
10	Kiên Thị Vồn			KP3 - Trảng Dài	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
11	Phạm Hồng Sơn			KP3 - Trảng Dài	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
12	Đoàn Trương Phương Uyên			KP4 - Trảng Dài	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
13	Nguyễn Hữu Nghĩa			KP2 - Trảng Dài	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
14	Phạm Minh Thủy			KP4B - Trảng Dài	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
15	Lê Thị Thu			KP3 - Trảng Dài	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
16	Đào Ngọc Trúc Tiên			KP2 - Trảng Dài	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
17	Trần Thị Mai Hương			KP3A - Trảng Dài	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
18	Đinh Thị Ngọc			KP3 - Trảng Dài	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
19	Nguyễn Thanh Sơn			KP1 - Tân Hạnh	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
20	Lý Thị Tú Oanh			KP1 - Tân Hạnh	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
21	Nguyễn Đạo Phước			KP1 - Tân Hạnh	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị,	Ngày kết thúc điều	Số ngày điều trị	Tiền ăn (80.000 đồng/	Ghi chú
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12
22	Bùi Thị Thảo		26/03/1989	KP1 - Tân Hạnh	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
23	Đặng Công Minh	24/02/1992		KP7 - Hố Nai	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
24	Đào Xuân Quang	20/08/1985		KP5 - Hố Nai	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
25	Phan Hữu Thất	02/02/1960		KP7 - Hố Nai	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
26	Đào Long Phú	01/06/1994		KP5 - Hố Nai	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
27	Bùi Huy Dũng	13/09/1981		KP5 - Hố Nai	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
28	Bùi Minh Tấn	25/01/1990		KP4 - Hố Nai	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
29	Bùi Duyên Anh	25/01/1973		KP5 - Hố Nai	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
30	Vũ Thị Thanh Thảo		08/02/1976	KP5 - Hố Nai	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
31	Ngô Thị Hà		1952	KP7 - Hố Nai	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
32	Nguyễn Thị Phấn		11/10/1964	KP7 - Hố Nai	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
33	Danh Bal	20/02/1995		KP1 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
34	Phan Văn Hùng	16/10/1971		KP1 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
35	Giang Thành Sang	1973		KP Long Diêm - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
36	Đặng Hoàng Thơ	24/04/1995		KP1 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
37	Danh Xung Em	01/01/1982		KP1 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
38	Nguyễn Văn Hột	08/10/1985		Kp Long Diêm - LBT	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
39	Nguyễn Thị Diễm		06/02/1998	KP Long Diêm - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
40	Nguyễn Trần Thị Yến Linh		03/09/1996	KP3 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
41	Phạm Thị Sáu		06/06/1957	KP3 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
42	Nông Thị Tươi		20/10/1992	KP3 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
43	Nguyễn Thị Kim Tươi		1981	KP2 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
44	Đặng Thương Thật	1990		KP1 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
45	Bùi Văn Vệ	20/02/1991		KP1 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
46	Đặng Thái Nguyên	1996		KP1 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
47	Đặng Nguyên Thủy		01/01/1999	KP1 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
48	Đặng Thanh Nghi	1959		KP Long Diêm - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
49	Phạm Hữu Khương	11/12/1992		KP Long Diêm - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
50	Nguyễn Thị Hằng		1973	KP Long Diêm - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	



STT	Họ và tên	Ngày, tháng		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị,	Ngày kết thúc điều	Số ngày điều trị	Tiền ăn (80.000 đồng/	Ghi chú
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12
51	Nguyễn Thị Nga		1971	KP1 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
52	Nguyễn Thị Loan		1975	KP1 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
53	Phan Thị Cẩm Tiên		24/08/1997	KP 1 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
54	Cao Thị Bé Lê		07/01/2000	KP Long Diễm - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
55	Trần Thị Lợi		1980	KP1 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
56	Đào Xuân Phương	25/05/1965		KP4 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
57	Lê Văn Hoà	01/01/1972		KP4 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
58	Phạm Duy Thông	10/07/1999		KP Long Diễm - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
59	Lý Hoàng	1970		KP Long Diễm - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
60	Lê Kim Trang		03/11/2000	KP2 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
61	Nguyễn Kim Kiều		06/11/1996	KP Long Diễm - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
62	Nguyễn Kiều Loan		18/06/2002	KP Long Diễm - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
63	Nguyễn Thanh Diệu		1967	KP3 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
64	Nguyễn Thiện Hiếu	26/04/2013		Ấp An Hoà - Hoà An	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
65	Tần Yến Trang		24/05/2011	KP4C - Trảng Dài	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
66	Nguyễn Bảo Ngọc		20/10/2012	KP4C - Trảng Dài	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
67	Nguyễn Phạm Minh Duy	19/05/2018		KP4B - Trảng Dài	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
68	Nguyễn Thu Huyền		28/02/2009	KP4B - Trảng Dài	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
69	Phạm Hoàng Long	03/06/2006		KP4 - Trảng Dài	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
70	Nguyễn Trần Lý Ngân		17/10/2008	KP1 - Tân Hạnh	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
71	Nguyễn Anh Thư		24/06/2012	KP1 - Tân Hạnh	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
72	Nguyễn Tuấn Phong	29/08/2014		KP1 - Tân Hạnh	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
73	Nguyễn Tuấn Phương	04/11/2018		KP1 - Tân Hạnh	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
74	Bùi Quốc Vương	21/09/2005		KP5 - Hồ Nai	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
75	Thị Phương Nghi		03/09/2018	KP1 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
76	Đoàn Hoàng Khiêm	02/04/2010		KP Long Diễm - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị,	Ngày kết thúc điều	Số ngày điều trị	Tiền án (80.000 đồng/	Ghi chú
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12
77	Huỳnh Trung Thực	08/07/2010		KP Long Diêm - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
78	Danh Ngọc Nhi		03/10/2006	KP1 - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
79	Nguyễn Khắc Phục	16/05/2008		Kp Long Diêm - LBT	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
80	Nguyễn Thị Nhã Thi		28/01/2018	Kp Long Diêm - LBT	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
81	Phạm Anh Tuấn	05/09/2006		KP Long Diêm - Long Bình Tân	14/8/2021	24/08/2021	11	880,000	
82	Nguyễn Quang Hậu	24/08/2002		tổ 19C - KP11 - An Bình - BH - ĐN	15/8/2021	29/8/2021	15	1,200,000	
83	Đinh Văn Thế	10/09/1987		D11-tổ 15 B-KP2 - Bình Đa - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
84	Đào Thị Phụng		01/01/1978	KP Long Diêm - Long Bình Tân - BH - ĐN	16/8/2021	29/8/2021	14	1,120,000	
85	Đoàn Văn Phi	12/02/1981		92H4 tổ 4 - KP Long Diêm - Long Bình Tân - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
86	Nguyễn Thị Tường Vi		18/12/1970	47G tổ 17 - KP1 - Long Bình Tân - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
87	Tăng Văn Diên	1988		87 hv - KP1 - Long Bình Tân - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
88	Mai Văn Quỳnh	28/09/1998		97b/6-KP Long Diêm- Long Bình Tân - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
89	Đào Thị Nga		1975	92-tổ 4-KP2-Long Bình Tân - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
90	Hồ Minh Tuấn	1971		Hẻm 30/12-KP Long Diêm-Long Bình Tân - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
91	Đinh Thị Thu		10/08/1979	D435-tổ 7-KP 4-Long Bình Tân - BH - ĐN	15/08/2021	29/8/2021	15	1,200,000	
92	Võ Văn Hiên	06/03/1992		Tổ 15-KP 8A Long Bình Tân - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
93	Đỗ Văn Lộc	1976		92H4-tổ 4-KP Long Diêm-Long Bình Tân - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
94	Trần Văn Kiều	08/03/1971		87HV-KP1- Long Bình Tân - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
95	Trần Văn Thống	1989		Tổ 1-KP1- Long Bình Tân - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	



STT	Họ và tên	Ngày, tháng		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị,	Ngày kết thúc điều	Số ngày điều trị	Tiền ăn (80.000 đồng/	Ghi chú
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12
96	Cao Duy Khánh	11/11/1994		Tổ 1-KP Long Điền- Long Bình Tân - BH - ĐN	16/8/2021	29/8/2021	14	1,120,000	
97	Trần Minh Lộc	28/11/1982		105/34c - KP5 - Hồ Nai - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
98	Lê Văn Quốc	08/06/1977		385/65/51 - KP7 - Hồ Nai - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
99	Bùi Thị Thanh Thủy		1963	13A/46 - KP7 - Hồ Nai - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
100	Trần Văn Tùng	19/06/1960		3/3D - KP5 - Hồ Nai - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
101	Phan Thị Cừu		27/03/1964	13b-tổ 46-KP7-Hồ Nai - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
102	Phan Hữu Thập	01/08/1967		13b-tổ 46-KP7-Hồ Nai - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
103	Phan Bùi Quỳnh Như		04/04/2003	113A/46-KP7 - Hồ Nai - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
104	Hoàng Thị Phương		15/06/1971	117 tổ 16 - kp An Hoà - Hoà An - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
105	Nguyễn Đức Khải	20/02/1982		tổ 19C - kp An Hoà - Hoà An - BH - ĐN	15/8/2021	29/8/2021	15	1,200,000	
106	Nguyễn Văn Tài	24/10/1987		31/21 tổ 19C - kp An Hoà - Hoà An - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
107	Nguyễn Phúc Hậu	03/01/2002		Tổ 19c- KP An Hoà-Hóa An - BH - ĐN	15/8/2021	29/8/2021	15	1,200,000	
108	Nguyễn Văn Chung	17/02/1988		31/21-tổ 19D- KP An Hoà- Hóa An - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
109	Trần Đức Chính	28/08/1991		D216-KP4-Long Bình - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
110	Bùi Chí Nguyễn	04/11/1989		Tổ 28-KP 8A - Long Bình - BH - ĐN	15/8/2021	29/8/2021	15	1,200,000	
111	Nguyễn Ngọc Dũng	18/01/1988		133-tổ 18-KP 5A - Long Bình - BH - ĐN	15/8/2021	29/8/2021	15	1,200,000	
112	Kiều Trung Hậu	10/10/1983		567-Tổ 23-KP6 - Long Bình - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
113	Giai Quốc Thành	05/05/1990		Tổ 23-KP6 - Long Bình - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị,	Ngày kết thúc điều	Số ngày điều trị	Tiền ăn (80.000 đồng/)	Ghi chú
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12
114	Nguyễn Văn Nhớ	16/09/1985		Tổ 8-KP4 - Long Bình - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
115	Nguyễn Thị Phương		12/12/1974	Dòng thánh Phao-lo - 216 CMT8 - Quyết Thắng - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
116	Nguyễn Thị Thùy Dung		09/11/1990	237/236- Đồng Khởi-KP5-Tam Hiệp - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
117	Nguyễn Thị Thúy Lệ		01/08/1982	229A/6-tổ 12-KP3 - Tam Hiệp - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
118	Nguyễn Ngọc Hoàng	14/07/1983		Tổ 8b-Long Khánh 1 - Tam Phước - BH - ĐN	15/8/2021	29/8/2021	15	1,200,000	
119	Võ Hồng Phúc	30/06/1980		807/154/9 - KP7 - Tân Phong - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
120	Nguyễn Thị Thu Trang		06/10/1975	tổ 7 - KP3 - Trảng Dài - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
121	Bùi Mạnh Hoàng	04/11/2000		tổ 31 - KP3A - Trảng Dài - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
122	Nguyễn Thị Kim Trang		08/12/1998	tổ 11 - KP2 - Trảng Dài - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
123	Đào Ngọc Dũng	27/08/1971		Tổ 14-KP2 - Trảng Dài - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
124	Vì Văn Lượng	05/12/1994		Áp 2-Sông Ray- Cẩm Mỹ -Đồng Nai	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
125	Tăng Thị Quỳnh Giao		02/11/2018	87 hv - KP1 - Long Bình Tân - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
126	Nguyễn Thanh Bình	31/05/2015		31/21 tổ 19D - Áp An Hoà - Hoà An - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
127	Nguyễn Minh Thư		31/01/2010	Tổ 28-KP 4C- Trảng Dài - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
128	Nguyễn Tiến Đạt	42176		Tổ 28-KP 4C- Trảng Dài - BH - ĐN	14/8/2021	29/8/2021	16	1,280,000	
129	Nông Nguyễn Quỳnh Quyên		01/10/2000	149/1 tổ 10, KP12 - An Bình	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
130	Hồ Phước Vũ	11/04/1989		17 Tổ 9,KP5 - An Bình	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
131	Nguyễn Thị Tuyết Nhi		15/03/2003	24/117 tổ 16- Áp An Hoà - Hoà An	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	



STT	Họ và tên	Ngày, tháng		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị,	Ngày kết thúc điều	Số ngày điều trị	Tiền ăn (80.000 đồng/	Ghi chú
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12
132	Trần Thị Tuyết Loan		02/10/2003	24/117 tổ 16- Ấp An Hoà - Hoà An	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
133	Lâm Thành Dương	19/02/1989		Tổ 16 -Ấp An Hoà - Hoà An	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
134	Lê Việt Dũng	15/07/1979		23/73 Nguyễn Ái Quốc- Ấp An Hoà - Hoà An	15/8/2021	27/8/2021	13	1,040,000	
135	Bùi Thị Thu Cúc		1969	Y9 tổ 19C - Ấp An Hoà - Hoà An	15/8/2021	27/8/2021	13	1,040,000	
136	Nguyễn Huy Hoàng	30/08/2004		23/73 Nguyễn Ái Quốc - Ấp An Hoà - Hoà An	15/8/2021	27/8/2021	13	1,040,000	
137	Nguyễn Thị Lành		05/03/1986	31/21 tổ 19D - Ấp An Hoà - Hoà An	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
138	Đặng Hoàng Thạch	1992		tổ 13C - Ấp Bình Hoà - Hoà An	15/8/2021	27/8/2021	13	1,040,000	
139	Nguyễn Xuân Vinh	15/08/1984		10A/79 - KP12 - Hồ Nai	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
140	Lê Thanh Hoài	27/01/2004		10A/79 - KP12 - Hồ Nai	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
141	Trần Thị Ninh		16/03/1983	10A/79 - KP12 - Hồ Nai	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
142	Phan Hữu Thiên	27/08/1993		13B/46 - KP7 - Hồ Nai	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
143	Lê Văn Phụng	27/01/1989		446/ 69/48 tổ 25 - KP5 A - Long Bình	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
144	Lê Quốc Cường	12/10/1998		361 - tổ 17 - KP6 - Long Bình	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
145	Nguyễn Văn Lil	1979		92E/4- KP Long Diêm - Long Bình Tân	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
146	Nguyễn Văn Đăng	01/01/2001		92E/4- KP Long Diêm - Long Bình Tân	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
147	Đỗ Văn Thuận	02/10/1972		146 tổ 10- KP2 - Long Bình Tân	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
148	Nguyễn Thành Đạt	21/10/1998		B33 TỔ 4- KP Long Diêm - Long Bình Tân	16/8/2021	27/8/2021	12	960,000	
149	Võ Văn Đơn	10/10/1984		B33 TỔ 4- KP Long Diêm - Long Bình Tân	16/8/2021	27/8/2021	12	960,000	
150	Nguyễn Dũng Sơn	17/06/1981		526 tổ 9 KP3 - Long Bình Tân	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
151	Mai Phương Linh	26/03/2000		260 đường HF - tổ 24 - KP1 - Long Bình Tân	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
152	Đào Tấn Đạt	1978		94/4 tổ 4 - KP2 - Long Bình Tân	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị,	Ngày kết thúc điều	Số ngày điều trị	Tiền ăn (80.000 đồng/	Ghi chú
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12
153	Nguyễn Thành Đức	1962		87 HV - KP1 - Long Bình Tân	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
154	Tô Thanh Long	24/05/1996		85/6 đường Nguyễn Văn Tỏ - tổ 10 - KP Long Diêm - Long Bình Tân	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
155	Nguyễn Thị Thu Thủy		1970	87B HV tổ 1 - KP7 - Long Bình Tân	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
156	Phạm Quang Khải	17/01/1996		2A/2 tổ 4 KP3 - Trảng Dài	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
157	Thái Thị Thanh		25/06/1975	tổ 4 - KP4C - Trảng Dài	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
158	Phạm Hồng Quân	02/06/1965		14/3 - tổ 27 - KP3A - Trảng Dài	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
159	Nguyễn Thị Kim Hoà		09/12/1969	tổ 14 - KP2 - Trảng Dài	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
160	Nguyễn Hà Phương		04/02/2020	31/21 tổ 19D - Ấp An Hoà - Hoà An	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
161	Phan Hữu Thế	12/04/2006		13B/46 - KP7 - Hố Nai	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
162	Lê Ngọc Phương Thảo		18/11/2012	10A/79 - KP12 - Hố Nai	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
163	Lê Ngọc Bích		27/02/2020	10A/79 - KP12 - Hố Nai	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
164	Đoàn Thị Ái Lam		16/11/2011	92H4 - KP Long Diêm - Long Bình Tân	14/8/2021	27/8/2021	14	1,120,000	
II	BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 2: 55 NGƯỜI						1,019	81,520,000	
1	Phạm Thị Ánh Tuyết		16/7/1983	326, tổ 6, KP2 P.An Hòa, BH-ĐN	05/08/2021	23/08/2021	19	1,520,000	
2	Nguyễn Mạnh Trường	08/6/1997		69/27, P. Tân Phong, BH-ĐN	05/08/2021	23/08/2021	19	1,520,000	
3	Nguyễn Văn Khang	06/10/1992		Tổ 43, KP3, P Tân Phong, BH-ĐN	05/08/2021	23/08/2021	19	1,520,000	
4	Dương Ngọc Quỳnh		24/02/2015	326, tổ 6, KP2 P.An Hòa, BH-ĐN	05/08/2021	23/08/2021	19	1,520,000	
5	Nguyễn Hoàng Phúc	07/6/2000		Hẻm 209, Nguyễn Văn Tiên, Tân Phong	22/07/2021	14/8/2021	21	1,680,000	
6	Nguyễn Thị Mộng Tuyền		27/10/1971	Hố Nai	25/07/2021	14/8/2021	21	1,680,000	
7	Nguyễn Hữu Lộc	04/4/1998		Hố Nai	25/07/2021	14/8/2021	21	1,680,000	
8	Đỗ Thị Phương		24/5/1986	Hố Nai	25/07/2021	14/8/2021	21	1,680,000	
9	Phạm Thiên Phú	28/7/2017		Hố Nai	25/07/2021	14/8/2021	21	1,680,000	
10	Đàm Kim Thơm	1994		KP 1, Long Bình	4/8/2021	20/08/2021	17	1,360,000	
11	Ngô Thị Tuyết Mai		10/01/1986	Tổ 6, KP 4A, Trảng dài	4/8/2021	20/08/2021	17	1,360,000	
12	Trần Thị Ngọc Lệ		05/4/1987	Tổ 8, KP 8A, Long bình	4/8/2021	20/08/2021	17	1,360,000	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị,	Ngày kết thúc điều	Số ngày điều trị	Tiền ăn (80.000 đồng/	Ghi chú
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12
13	Nguyễn Thị Ngọc Hương		28/3/2002	E2C, KP 4, Đồng khởi	4/8/2021	20/08/2021	17	1.360.000	
14	Bùi Thị Nhân		01/01/1982	Tổ 13, KP 5A, Long Bình	4/8/2021	20/08/2021	17	1.360.000	
15	Nguyễn Thị Thủy		27/6/1978	Tổ 6, KP 1, Tân Hiệp	4/8/2021	20/08/2021	17	1.360.000	
16	Lê Thị Phương		07/8/1990	KP 1, Long Bình	4/8/2021	20/08/2021	17	1.360.000	
17	Diệp Thị Tố Nga		03/01/1988	Tổ 6, KP 11, An Bình	4/8/2021	20/08/2021	17	1.360.000	
18	Nguyễn Thị Huyền		24/5/1985	Tổ 4, Kp 4, Trảng Dài	4/8/2021	20/08/2021	17	1.360.000	
19	Hoàng Thị Liên		01/01/1983	Tổ 4, Kp 4, Long Bình	4/8/2021	20/08/2021	17	1.360.000	
20	Lương Thị Tình		02/7/1987	329/40/34 Tổ 15 Kp 4, Long Bình	4/8/2021	20/08/2021	17	1.360.000	
21	Nguyễn Thị Sen		29/11/1985	Ấp 4, An Hòa	4/8/2021	20/08/2021	17	1.360.000	
22	Đoài Ngọc Thùy		19/4/1980	Kp8, Long Bình	4/8/2021	20/08/2021	17	1.360.000	
23	Lê Thị Nhung		27/9/1997	Hẻm 399, Kp3, Tam Hiệp	4/8/2021	20/08/2021	17	1.360.000	
24	Nguyễn Ngọc Trinh		10/10/1996	Thiện Tân, Vĩnh Cửu	4/8/2021	20/08/2021	17	1.360.000	
25	Trần Thị Huệ		25/5/1982	Long Bình	4/8/2021	20/08/2021	17	1.360.000	
26	Nguyễn Thị Kim Thoa		04/01/1993	Tổ 6, Hóa An, BH, DN	4/8/2021	24/8/2021	21	1.680.000	
27	Nguyễn Thị Mai		10/10/1964	Tổ 6, Hóa An, BH, DN	4/8/2021	24/8/2021	21	1.680.000	
28	Nguyễn Ngọc Hương		17/12/1992	Tổ 6, Hóa An, BH, DN	4/8/2021	24/8/2021	21	1.680.000	
29	Trần Kim Cúc		10/6/1966	Tổ 6, Hóa An, BH, DN	4/8/2021	24/8/2021	21	1.680.000	
30	Nguyễn Phong Phú		09/10/1999	Tổ 6, Hóa An, BH, DN	4/8/2021	24/8/2021	21	1.680.000	
31	Nguyễn Thị Thu Hà		02/12/1981	Tổ 6, Hóa An, BH, DN	4/8/2021	24/8/2021	21	1.680.000	
32	Nguyễn Thị Thủy		10/4/1975	Kp1, Long Bình, BH, DN	4/8/2021	24/8/2021	21	1.680.000	
33	Tô Hòa Huân		1987	KP1, Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	4/8/2021	24/8/2021	21	1.680.000	
34	Nguyễn Thị Nhiên		23/5/1992	KP1, Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	4/8/2021	24/8/2021	21	1.680.000	
35	Lê Thị Thu		1982	Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	4/8/2021	24/8/2021	21	1.680.000	
36	Vũ Thị Mây		1992	Kp 8A, Long Bình, BH, DN	4/8/2021	24/8/2021	21	1.680.000	
37	Nguyễn Thị Tinh		04/11/1979	Kp 8, Long Bình, BH, DN	4/8/2021	24/8/2021	21	1.680.000	
38	Huyền Nhật Hòa		01/5/1996	Kp8, Hố Nai, BH, DN	5/8/2021	24/8/2021	20	1.600.000	
39	Hoàng Phi Hùng		03/10/2001	Hố Nai 3, Trảng Bom, DN	5/8/2021	24/8/2021	20	1.600.000	
40	Lương Văn Tuấn		13/8/1967	Kp3A, Trảng Dài, BH, DN	9/8/2021	24/8/2021	16	1.280.000	
41	Lê Văn Quang		10/4/1988	Kp4C, Trảng Dài, BH, DN	9/8/2021	24/8/2021	16	1.280.000	
42	Lê Thị Vinh		05/10/1962	Kp4C, Trảng Dài, BH, DN	9/8/2021	24/8/2021	16	1.280.000	
43	Nguyễn Thị Hương		01/3/1989	Kp4C, Trảng Dài, BH, DN	9/8/2021	24/8/2021	16	1.280.000	
44	Đào Kim Dung		13/3/1977	Kp3A, Trảng Dài, BH, DN	9/8/2021	24/8/2021	16	1.280.000	
45	Lương Hoài Thu		02/6/2002	Kp3A, Trảng Dài, BH, DN	9/8/2021	24/8/2021	16	1.280.000	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị,	Ngày kết thúc điều	Số ngày điều trị	Tiền ăn (80.000 đồng/	Ghi chú
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12
46	Lương Văn Khêu	23/9/1987		Kp3, Long Hưng, BH, ĐN	9/8/2021	24/8/2021	16	1.280.000	
47	Phạm Thị Ngà		03/5/1994	An Xuân, Long Hưng, BH, ĐN	9/8/2021	24/8/2021	16	1.280.000	
48	Đinh Thị Anh Tú		05/12/1985	KP11, Tân Phong, BH, ĐN	11/8/2021	24/8/2021	14	1.120.000	
49	Trần Thị Tuyết Lan		01/7/1982	Kp Tân Cang, Phước Tân, BH, ĐN	4/8/2021	24/8/2021	21	1.680.000	
50	Mai Thị Hằng		30/12/1977	Kp12, An Bình, BH, ĐN	4/8/2021	24/8/2021	21	1.680.000	
51	Nguyễn Thị Hoài		16/02/1989	Kp 2, Tam Hòa, BH, ĐN	4/8/2021	24/8/2021	21	1.680.000	
52	Trần Thiên Phúc	12/3/2019		Tổ 6, Hòa An, BH, ĐN	4/8/2021	24/8/2021	21	1.680.000	
53	Lê Nguyễn Bảo Ngọc		17/6/2014	Kp4C, Trảng Dài, BH, ĐN	9/8/2021	24/8/2021	16	1.280.000	
54	Lê Nguyễn Bảo An		17/10/2018	Kp4C, Trảng Dài, BH, ĐN	9/8/2021	24/8/2021	16	1.280.000	
55	Võ Ngọc Thiên Kim		09/4/2015	An Xuân, Long Hưng, BH, ĐN	9/8/2021	24/8/2021	16	1.280.000	
III TRƯỞNG THPT CHU VĂN AN: 08 NGƯỜI									
1	Phạm Thái Hà	1992		Tổ 39, KP11 p. Tân Phong	23/07/2021	13/08/2021	21	1.680.000	
2	Bùi Thái Hoan	1995		Tổ 24, KP6 p. Long Bình	23/07/2021	13/08/2021	21	1.680.000	
3	Nguyễn Xuân Tú	2000		KP11 p. Tân Phong	23/07/2021	13/08/2021	21	1.680.000	
4	Liên Văn Hoàng	1957		Tổ 14, KP8 p. Long Bình	23/07/2021	13/08/2021	21	1.680.000	
5	Nguyễn Văn Linh	1973		KP6 p. Long Bình	31/07/2021	19/08/2021	20	1.600.000	
6	Lê Đình Sơn	1965		KP6 p. Long Bình	31/07/2021	19/08/2021	20	1.600.000	
7	Võ Văn Khang	1991		KP6 p. Long Bình	31/07/2021	19/08/2021	20	1.600.000	
8	Thân Thị Phương		1993	KP6 p. Long Bình	31/07/2021	19/08/2021	20	1.600.000	
TỔNG CỘNG: 227 NGƯỜI							3.311	264.880.000	

Tổng kinh phí hỗ trợ: 264.880.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng